

Tổng tích hợp lý thuyết kinh tế học và xã hội học trong nghiên cứu phân tầng xã hội

Lê Ngọc Hùng^(*)

Tóm tắt: Phân tầng xã hội diễn ra trên nhiều chiều cạnh kinh tế - xã hội khác nhau. Do vậy, cần vận dụng cách tiếp cận tổng tích hợp các lý thuyết khác nhau khi nghiên cứu phân tầng xã hội. Trong đó nổi bật là cách tiếp cận tổng tích hợp lý thuyết kinh tế học - xã hội học và xã hội học - kinh tế học với một số lý thuyết kinh điển và hiện đại về nguồn gốc của sự giàu có, lý thuyết về tăng trưởng và phát triển dựa trên các yếu tố kỹ thuật, quyền tự do, thiết chế và các loại vốn con người, vốn sáng tạo và các loại vốn phi vật thể khác. Từ góc độ tổng tích hợp lý thuyết có thể xem xét phân tầng xã hội về tiền lương của những người làm công ăn lương ở Việt Nam như là một trường hợp nghiên cứu cụ thể. Điều này gợi ra các hướng nghiên cứu tiếp theo về việc vận dụng tổng tích hợp các lý thuyết về vốn người, vị thế trong cấu trúc của hệ thống sản xuất kinh doanh, chức năng nghề nghiệp để có thể nắm bắt được các chiều cạnh và các xu hướng của phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Tổng tích hợp, Lý thuyết kinh tế học, Lý thuyết xã hội học, Phân tầng xã hội, Vốn người, Quyền tự do, Nghèo đói, Tăng trưởng

1. Tổng tích hợp lý thuyết kinh tế học - xã hội học

Một biểu hiện rõ nhất của tổng tích hợp cách tiếp cận kinh tế học - xã hội học là kinh tế học ngày càng quan tâm nghiên cứu các vấn đề xã hội và chỉ ra các nguyên nhân, các cơ chế và các hệ quả xã hội của các hiện tượng kinh tế, quá trình kinh tế. Theo cách tiếp cận lý thuyết kinh tế học, sự phân tầng về kinh tế, ví dụ phân tầng về thu nhập, chi tiêu, tài sản, quyết định sự phân tầng xã hội. Tuy nhiên, xem xét kỹ có

thể thấy các lý thuyết kinh tế học khác nhau lại chỉ ra các nguồn gốc khác nhau của sự giàu có và do vậy chỉ ra nguồn gốc khác nhau của sự phân tầng xã hội. Năm 1776, ông tổ của ngành kinh tế học hiện đại là Adam Smith đã đặt ra câu hỏi về nguồn gốc của sự giàu có của các quốc gia. Câu trả lời của ông là sự phân công lao động hợp lý, “tiên tiến” trong xã hội thể hiện qua việc hình thành các ngành nghề với tính chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa cao giữa các cá nhân trong xã hội và sự phân công hợp lý giữa nhà nước và thị trường là nguồn gốc của sự giàu có của quốc gia. Từ góc độ kinh

^(*) GS.TS., Viện Xã hội học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

tế học về sự phân công lao động trong xã hội, ông cho rằng toàn bộ sản lượng hàng năm của đất đai và lao động của mỗi nước, tức là toàn bộ giá tiền của sản lượng hàng năm của mỗi nước, tất nhiên, tự phân hóa thành ba loại là tiền công lao động, tiền thuê đất và lợi nhuận của tiền vốn, và tương ứng tạo thành tiền thu nhập của tất cả mọi người thuộc ba tầng lớp xã hội khác nhau lần lượt từ tầng thấp đến tầng cao là: những người sống bằng tiền công lao động, những người sống bằng tiền cho thuê đất đai và những người sống bằng lợi nhuận. Trong hệ thống phân tầng xã hội này, Adam Smith cảnh báo sự can thiệp vì động cơ lợi nhuận của tầng lớp chóp bu, tầng lớp trên cùng và do vậy cần phải cảnh giác với thái độ và hành vi, lời nói và việc làm của tầng lớp này mỗi khi họ đưa ra một quyết định đối với vấn đề của toàn xã hội. Về điều này, Adam Smith viết vào năm 1776 như sau: “Bất kỳ một đạo luật mới nào, hay luật lệ nào do tầng lớp này đề xướng, cần phải được nghe ngóng rất thận trọng và chỉ được thông qua sau khi đã nghiên cứu, xem xét một cách kỹ lưỡng nhất, với sự tập trung nhất. Đạo luật đó xuất phát từ một tầng lớp mà lợi ích của họ không bao giờ đồng nhất với lợi ích chung của dân chúng, một tầng lớp mà mục đích chính là lừa dối và áp bức quần chúng để thu cho được lợi nhuận tối đa” (Adam Smith, 1997, tr.384).

Học thuyết kinh tế học chính trị của Karl Marx nhấn mạnh tới các nguyên nhân kinh tế của sự phân chia giai cấp và sự phân tầng xã hội. Theo Marx, sự phân tầng xã hội là kết quả của sự phân chia giai cấp và sự hình thành cấu trúc xã hội trong đó giai cấp nắm giữ tư liệu sản xuất cơ bản của xã hội là giai cấp

thống trị và chiếm giữ vị trí ở tầng lớp trên, tầng chóp bu và giai cấp không có tư liệu sản xuất là giai cấp bị trị bị đẩy xuống tầng dưới, thậm chí tầng đáy của cấu trúc phân tầng xã hội. Học thuyết Marx chỉ rõ, cơ sở của cấu trúc xã hội và sự phân tầng xã hội là phương thức sản xuất và phương thức trao đổi giữa người với người. Điều này ngụ ý rằng, cùng với yếu tố kinh tế đóng vai trò quyết định, nhưng không phải là duy nhất, các yếu tố như các thiết chế chính trị, văn hóa, xã hội cũng đóng những vai trò rất quan trọng đối với sự vận động, biến đổi cấu trúc xã hội, phân tầng xã hội. Marx đã chỉ ra xu hướng chung là sự phân tầng xã hội biến đổi từ trạng thái bất công, bất bình đẳng xã hội sang trạng thái công bằng, bình đẳng xã hội. Marx cũng chỉ ra nguyên nhân và con đường biến đổi có tính cách mạng của sự phân tầng xã hội và sự biến đổi đó là một quá trình cách mạng rất lâu dài trong cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật và thượng tầng kiến trúc, tinh thần, ý thức xã hội. Khi vận dụng học thuyết Marx vào đánh giá thực trạng và vạch ra xu hướng biến đổi sự phân tầng xã hội, cần chú ý tới những yếu tố phi kinh tế như xu hướng hành động của các giai cấp, các tầng lớp xã hội với trình độ nhận thức, tính tự giác và sự tiến bộ khoa học, công nghệ.

Các nhà kinh tế học nổi tiếng như Theodore W. Schultz, Athur Lewis, Gary Becker rất quan tâm nghiên cứu vấn đề nghèo đói và đã phát triển những chuyên ngành quan trọng như “Kinh tế học phát triển” và “Kinh tế học về nghèo đói”. Theodore Schultz đã mở đầu bài phát biểu nhận Giải thưởng Nobel về kinh tế học của mình năm 1979 bằng một câu nói nổi tiếng, hoàn toàn có thể áp dụng cho xã hội học kinh

tế: “Hầu hết mọi người trên thế giới là nghèo, vậy nếu chúng ta hiểu kinh tế học về nghèo đói, thì chúng ta có thể hiểu biết về một bộ phận lớn của kinh tế học” (Theodore W. Schultz, 2000, tr.575-593). Cũng có thể nói tương tự như vậy đối với cách tiếp cận kinh tế học về sự phân tầng xã hội: nếu hiểu rõ sự phân hóa giàu nghèo, phân hóa xã hội thì chúng ta có thể hiểu rõ bản chất và nguyên nhân của sự phân tầng xã hội.

Nhưng tại sao lại nghèo khổ? Sự phân hóa giàu nghèo là do đâu? Các thành tựu kinh tế học đang làm giàu thêm hiểu biết xã hội học về các nguyên nhân kinh tế (ví dụ cán cân thương mại trong nước và quốc tế) và nguyên nhân phi kinh tế (ví dụ học vấn thấp, tay nghề kém và sự cô lập) của sự nghèo khổ, phân hóa xã hội, phân tầng xã hội và bất bình đẳng xã hội trên các cấp độ từ vi mô gồm người nghèo, hộ nghèo đến vĩ mô là vùng nghèo, quốc gia nghèo, khu vực nghèo.

Kết quả của sự phân hóa giàu nghèo là người nghèo bị rơi xuống tầng đáy của thang bậc phân tầng xã hội và người giàu nổi lên tầng trên, nắm giữ phần lớn quyền lực, uy tín và của cải của toàn xã hội. Trong quá trình này, rất có thể một số người bị mất tài sản trở nên nghèo đói, nhưng những người đó không nhất thiết bị rơi xuống tầng đáy của xã hội bởi vì tình trạng đó có thể chỉ mang tính tạm thời. Người nghèo kinh niên có thể may mắn có tài sản, ví dụ do trúng số độc đắc, nhưng vẫn có thể bị nghèo do không biết sử dụng số tiền kiếm được nhất thời đó. Những người có uy tín xã hội hoặc người nắm giữ quyền lực đều có thể trở nên giàu có, nhưng những người giàu chưa chắc đã có uy tín và vị thế cao trong hệ

thống phân tầng xã hội. Điều này cho thấy tính phức tạp và tính linh hoạt, năng động của các quá trình di động xã hội, cơ động xã hội của sự phân hóa giàu nghèo và phân tầng xã hội.

Mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội được bộc lộ rõ qua các nghiên cứu về mối tương quan giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng xã hội. Các nhà nghiên cứu không dừng lại ở nhận định rằng kinh tế là nhân tố quyết định đối với sự bất bình đẳng xã hội mà đi sâu tìm hiểu mối tương tác qua lại giữa hai hiện tượng này. Khái niệm tăng trưởng kinh tế được dùng để chỉ sự tăng lên bền vững của cả khả năng cung cấp hàng hóa kinh tế và khả năng đổi mới công nghệ và điều chỉnh một cách phù hợp các thiết chế kinh tế, văn hóa, xã hội. Quan niệm như vậy đã hàm chứa vai trò quan trọng của hai yếu tố phi kinh tế - công nghệ và thiết chế xã hội đối với tăng trưởng kinh tế. Simon Kuznets định nghĩa: tăng trưởng kinh tế là “sự tăng lên trong dài hạn của khả năng cung cấp các hàng hóa kinh tế ngày càng đa dạng của nhân dân, khả năng liên tục phát triển này dựa trên cơ sở công nghệ tiên tiến, những điều chỉnh về thể chế và hệ tư tưởng mà nó đòi hỏi” (Simon Kuznets, 1980, tr.144)^(*). Những nước nghèo có đặc điểm chung, ví dụ như Kuznets đã chỉ ra, là năng suất lao động thấp, kinh tế dựa vào nông nghiệp và ngành khai thác, quy mô sản xuất nhỏ, quy mô dân số lớn. Sự tăng trưởng kinh tế đòi hỏi các nhân tố kinh tế (ví dụ tăng vốn đầu tư, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, kỹ thuật công nghệ tiên tiến) và

(*) Simon Kuznets (1901-1985) được Giải thưởng Nobel về khoa học kinh tế năm 1971 do có công đem lại “một cách nhìn mới - sâu sắc đối với cấu trúc kinh tế - xã hội và quá trình phát triển”.

“một khuôn khổ chính trị và xã hội ổn định nhưng linh hoạt, đủ khả năng chấp nhận sự thay đổi về cấu trúc và giải quyết các xung đột mà nó tạo ra” (Simon Kuznets, 1980, tr.158).

Công trình nghiên cứu nổi tiếng của Arthur Lewis về sự nghèo đói và tăng trưởng kinh tế đã đưa ra hai mô hình giải thích mối quan hệ này trên hai cấp độ: nghèo đói ở một nước chậm phát triển và sự bất bình đẳng giữa nước chậm phát triển và nước phát triển (Sir Arthur Lewis, 2000, tr.601-618)^(*). Theo Lewis, một nước chậm phát triển có đa số dân cư sống bằng kinh tế nông nghiệp “tự cung tự cấp” và một bộ phận sống bằng kinh tế công nghiệp - dịch vụ hiện đại. Sự tăng trưởng nhanh chóng định hướng vào thị trường của khu vực kinh tế hiện đại là do được đầu tư mạnh mẽ và dồi dào từ các nguồn lực, trong đó có nguồn nhân công rẻ của khu vực nông thôn. Kết quả là kinh tế hiện đại ở khu vực tập trung ít dân cư (ví dụ chỉ chiếm khoảng 20 - 30%) phát triển vượt trội so với kinh tế ở khu vực nông thôn đông dân cư (ví dụ chiếm 70 - 80%). Điều đó có nghĩa là tăng trưởng kinh tế ở những nước chậm phát triển gắn liền với sự nghèo đói tập trung ở nông thôn và sự bất bình đẳng xã hội gia tăng giữa thành thị và nông thôn, giữa các ngành công nghiệp - dịch vụ hiện đại với ngành nông nghiệp truyền thống.

Mô hình bất bình đẳng nội địa này của Lewis hoàn toàn có thể áp dụng để giải thích sự bất bình đẳng giữa các nước

công nghiệp phát triển và các nước nông nghiệp chậm phát triển trên thế giới. Các nước nghèo xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp và nguyên liệu trong khi các nước giàu xuất khẩu sản phẩm công nghiệp và thành phẩm được chế biến sâu. Năng suất lao động nông nghiệp thấp so với năng suất lao động công nghiệp và cán cân thương mại quốc tế phụ thuộc vào nước giàu là những nguyên nhân của sự phân tầng xã hội đến mức bất bình đẳng giữa hai nhóm nước này.

Cách giải thích mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng xã hội của Lewis gợi ra hướng nghiên cứu nguyên nhân phi kinh tế: vai trò của sự đầu tư giáo dục, của vốn người đối với phát triển kinh tế. Schultz và Becker đã rất thành công trong việc phát triển hướng nghiên cứu này. Schultz đã chỉ ra ưu thế lợi suất cao hơn hẳn của vốn người ở các nước giàu so với nước nghèo và từ đó đi đến giải thích tại sao các nước giàu đầu tư nhiều và nhanh vào giáo dục hơn hẳn so với các lĩnh vực khác. Ông rút ra kết luận có tính tổng tích hợp rất cao trong cách tiếp cận kinh tế học và tiếp cận xã hội học về mối quan hệ biện chứng giữa cái kinh tế và cái xã hội. Schultz viết: “đầu tư vào cải thiện chất lượng dân cư có thể tăng cường đáng kể triển vọng kinh tế và phúc lợi cho người nghèo” (Sir Arthur Lewis, 2000, tr.580).

Nhà kinh tế học Gary Becker nổi tiếng với cách tiếp cận “vốn người” (human capital) (Gary S. Becker, 2000, tr.70-104) đã nhấn mạnh vai trò của việc đầu tư vào giáo dục và đào tạo để nâng cao vốn người nhằm lợi ích kỳ vọng lâu dài. Điều quan trọng là kết luận này đúng cả với trường hợp ra

^(*) Sir Arthur Lewis (sinh năm 1915) cùng với Theodore W. Schultz (sinh năm 1902) được nhận chung Giải thưởng Nobel về khoa học kinh tế năm 1979 vì những nghiên cứu tiên phong về phát triển kinh tế, nghèo đói và bất bình đẳng ở nước chậm phát triển.

quyết định của các cha mẹ và nhà doanh nghiệp thuộc cấp vi mô và của các nhà hoạch định chính sách của bộ, ngành và quốc gia thuộc cấp vĩ mô khi họ luôn phải tính toán, so sánh chi phí trước mắt với lợi ích có thể đạt được trong tương lai. Tâm nhìn xa ở đây được hiểu là kỳ vọng về lợi ích trong tương lai. Một bộ phận người nghèo có tâm nhìn xa khi ra quyết định cho con học lên đại học bằng mọi cách khi bản thân và gia đình họ phải chi phí rất lớn cho việc thực hiện quyết định đó: họ có thể phải giảm bớt những mục chi tiêu không trực tiếp liên quan tới việc học tập của con cái, đồng thời phải tìm cách thêm thu nhập để bù đắp cho những chi phí học tập mà theo cách tiếp cận của Becker là đầu tư vốn người cho kỳ vọng nghề nghiệp được trả công cao. Những bậc cha mẹ nghèo này đã có tâm nhìn xa về giá trị của vốn người đối với khả năng tìm được việc làm ổn định với thu nhập cao của con cái họ. Trên thực tế, những quyết định đầu tư cho con học tập của các bậc cha mẹ này đã được đền đáp: cuộc đời nghèo đói của cha mẹ đã không di truyền lại cho thế hệ con của họ, mà trái lại, những người con của họ nhờ kết quả học tập nhất là nhờ học và tốt nghiệp các trường đại học nên có thể đã đổi đời, đổi cuộc đời nghèo lấy cuộc đời khá giả, thậm chí là giàu có. Nói cách khác, thông qua đầu tư vào vốn người, các cá nhân, gia đình có thể di động từ tầng lớp thấp lên tầng lớp cao hơn thuộc giai tầng trung lưu, thậm chí là giai tầng thượng lưu của hệ thống phân tầng xã hội.

Bắt đầu từ công trình nghiên cứu này của Gary Becker, đã xuất hiện các loại mô hình lý thuyết nhằm phát hiện ra chìa khóa để mở cánh cửa tăng

trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Các nỗ lực nghiên cứu tổng tích hợp kinh tế học và xã hội học hứa hẹn đem lại nhiều kết quả mong muốn bởi vì luôn tính đến các nhân tố kinh tế và phi kinh tế của sự tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Trong số đó cần kể tới hướng nghiên cứu tổng tích hợp kinh tế học - xã hội học về xóa đói, giảm nghèo, về quyền con người trong phát triển và về năng lực con người trong các quá trình xã hội của sự phát triển bền vững.

Một số nhà nghiên cứu về sự tăng trưởng kinh tế ở những nước chậm phát triển và những nước đang phát triển trong nửa cuối thế kỷ XX đã tập trung vào vấn đề nghèo đói và tăng trưởng kinh tế. Một trong những kết luận có tính phương pháp luận đối với các quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở những nước này là: hãy bắt đầu từ những người nghèo khổ (Robert Chambers, 1991). Theo quan điểm này, tăng trưởng kinh tế bắt đầu không phải từ việc vay vốn tài chính hay đổi mới kỹ thuật đơn thuần mà từ việc tìm hiểu những khó khăn, những mối quan tâm và văn hóa của người nghèo và tìm cách giúp người nghèo phát triển tri thức, năng lực, kỹ năng và thay đổi thái độ, hành vi để họ tự xóa đói, giảm nghèo. Cách tiếp cận này đã được Robert Chambers, Amartya Sen và các đồng sự áp dụng và tổng kết viết thành sách xuất bản vào những năm 1980. Sự nghèo khổ biểu hiện ra là sự thiếu thốn các phương tiện vật chất để sản xuất và sinh hoạt hàng ngày của cá nhân và gia đình. Nhưng thất học, ốm đau bệnh tật, sự cô lập, hoặc bạo lực gia đình cũng có thể gây thất nghiệp và giảm thu nhập dẫn đến sự nghèo đói. Các tác giả này đã phác họa được các yếu tố cơ bản của

vòng luẩn quẩn của nghèo đói và gọi nó là “bẫy nghèo khổ” mà bất kỳ một người hay một gia đình thậm chí cả một cộng đồng xã hội có thể mắc phải. Giải pháp phòng tránh và tháo gỡ khỏi bẫy nghèo khổ là nghiên cứu phát hiện ra các mắt xích của bẫy nghèo khổ để kịp thời tấn công vào những mắt xích cơ bản, quan trọng nhất, xung yếu nhất. Trong số đó có yếu tố trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật và quyền năng.

Amartya Sen - nhà kinh tế học người Ấn Độ được Giải thưởng Nobel về kinh tế năm 1999 đã đưa ra thuyết “Phát triển là mở rộng quyền lựa chọn” thay cho thuyết “Phát triển là tăng trưởng kinh tế” (Amartya Sen, 2002). Tăng trưởng kinh tế (thu nhập) là cực kỳ quan trọng nhưng đó không phải là mục đích tự thân. Giống như câu chuyện cổ Ấn Độ về ý nghĩa của cuộc sống và sự giàu có. Câu hỏi cổ xưa là: của cải có làm cho con người bất tử không? Câu trả lời là: không. Bởi vì người giàu vẫn chết. Vậy thì giàu có để làm gì?! Nhà hiền triết Hy Lạp cổ đại là Aristotle cũng từng nói rằng, của cải rõ ràng không phải là thứ chúng ta tìm kiếm, bởi vì của cải chỉ đơn giản là có ích lợi và để dùng cho một thứ khác. Tức là của cải hay sự giàu có chỉ là công cụ, là phương tiện để đạt mục đích là hạnh phúc và phát triển.

Do vậy, sự phát triển bền vững bao hàm sự phát triển văn hóa, giáo dục, sức khỏe, là sự mở rộng quyền tham gia quản lý xã hội, quyền lựa chọn các cơ hội, là nâng cao năng lực thực hiện các quyền và thực hiện các quyết định đã lựa chọn cho mọi người. Amartya Sen cho rằng, đói nghèo chỉ xảy ra đối với những người dân không có cơ hội, không có khả năng lựa chọn, không có

tiếng nói đối với ai, nhất là đối với bộ máy lãnh đạo, quản lý ở cộng đồng xã hội nơi họ sinh sống. Chính phủ và giới lãnh đạo, quản lý sẽ rất ít quan tâm tới “xóa đói giảm nghèo” chừng nào mà họ không có thông tin về chúng, không chịu sức ép của dư luận xã hội đòi hỏi họ phải chịu trách nhiệm về nạn nghèo đói. Một lý do rất đơn giản của sự thờ ơ với nghèo đói là bản thân họ chưa bao giờ bị nghèo đói hoặc đơn giản là họ đã quên sự nghèo đói mà chính họ đã trải qua. Do đó, người nghèo cần phải lên tiếng về sự nghèo khổ và các nhà nghiên cứu cần thông tin chính xác và đầy đủ về tình trạng phân hóa giàu nghèo và xu hướng biến đổi phân tầng xã hội để các nhà hoạch định chính sách điều chỉnh, đổi mới các chương trình hành động cho phù hợp.

Có thể nói, Amartya Sen là người có công mở ra trào lưu xem xét vấn đề bất bình đẳng xã hội và tăng trưởng kinh tế từ góc độ tổng tích hợp khoa học kinh tế học với xã hội học và chính trị học ở cuối thế kỷ XX. Bởi vì, ông đã nhấn mạnh tới quyền của con người, tới vai trò của việc mở rộng quyền và nâng cao năng lực thực hiện các quyền tự do kinh doanh, học tập, chăm sóc sức khỏe và tham gia vào các quá trình chính trị-xã hội trong xóa đói giảm nghèo, tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Một số nhà kinh tế học nổi tiếng khác, ví dụ như Joseph Stiglitz, đã phát triển hướng tiếp cận này khi đưa ra thuyết phát triển toàn diện, trong đó nhấn mạnh vai trò của thông tin và sự tham gia của người dân trong các quá trình của xã hội. Không chỉ người nghèo mà tất cả các tầng lớp xã hội đều cần được tham gia vào các quá trình quản lý xã hội để thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội. Tương tự

như việc phát triển năng lực con người là mục tiêu của sự phát triển, bản thân sự tham gia xã hội cũng trở thành mục tiêu của sự phát triển xã hội. Tính cơ động và sự di động xã hội sẽ tăng lên và các cơ hội phát triển sẽ mở ra nhiều hơn với sự tham gia chủ động và tích cực của các cá nhân, gia đình, tổ chức, tầng lớp, giai tầng xã hội.

Do đó, việc tôn trọng các quyền con người trong quá trình phát triển xã hội và nhất là việc nâng cao năng lực thực hiện các quyền tự do của con người đã được pháp luật quy định, việc thực hiện dân chủ hóa, việc mở rộng các cơ hội tham gia vào quá trình xã hội là những yếu tố mới góp phần xóa đói, giảm nghèo và cải thiện đời sống của các giai tầng xã hội.

2. Tổng tích hợp lý thuyết xã hội học - kinh tế học

Max Weber là nhà xã hội học đồng thời là nhà nhân học văn hóa xã hội người Đức đã đưa ra cách tiếp cận lý thuyết nổi tiếng nhấn mạnh tác động thúc đẩy của yếu tố tôn giáo, cụ thể là cuộc Cải cách Tin lành (Protestan Reformation) đối với sự phát triển kinh tế TBCN hiện đại ở phương Tây. Weber chỉ ra rằng, sự kết hợp tài tình giữa “đạo đức Tin lành” với “tinh thần của chủ nghĩa tư bản” trong lịch sử phương Tây đã tạo nên động lực và nguồn lực làm cho con người hành động theo kiểu duy lý - công cụ, phương tiện với nghĩa là luôn tính toán để hành động đạt được hiệu quả cao nhất (Max Weber, 2008; Xem thêm: Lê Ngọc Hùng, 2011). Từ đó xuất hiện sự phân tầng xã hội dựa trên sự phân hóa về hành động xã hội, theo đó những người chăm chỉ, chịu khó, tiết kiệm, làm việc không ngơi nghỉ một cách trung thực, cởi mở, lao động như một thiên chức, như một sứ mệnh thì

được vinh danh, được lên thiên đàng; còn những kẻ lười biếng, lãng phí, gian dối thì bị trừng phạt, bị đày xuống địa ngục. Cách giải thích kiểu nhân học văn hóa, cụ thể là việc đề cao yếu tố đạo đức tôn giáo và tinh thần của CNTB, như chính Weber nhấn mạnh có ý nghĩa bổ sung mà không thay thế cho cách giải thích nhấn mạnh các điều kiện kinh tế như Marx đã chỉ ra đối với sự phân tầng xã hội. Weber vẫn kế thừa cách tiếp cận kinh tế học nhưng chỉ rõ các yếu tố kinh tế và cả yếu tố chính trị cùng với yếu tố văn hóa, yếu tố xã hội đều tương tác, tổng tích hợp với nhau để tạo ra các căn cứ của sự phân hóa giàu nghèo và phân tầng xã hội.

Tuy nhiên, vẫn có một số nhà nghiên cứu đánh giá một cách máy móc về cách tiếp cận mang tính tổng tích hợp xã hội học - kinh tế học của Weber về phân tầng xã hội. Do không chú ý đến điều này nên một số nhà nghiên cứu đương đại, ví dụ Acemoglu và Robinson, đã viện dẫn sự tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội của Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc và cả Trung Quốc để phản biện cách tiếp cận nhấn mạnh yếu tố văn hóa, tôn giáo của Weber (Daron Acemoglu và James A. Robinson, 2014, tr.86-94). Hai tác giả này cho rằng, các yếu tố nhân học, tôn giáo và niềm tin, thái độ văn hóa thay đổi rất chậm chạp và không có khả năng giải thích đối với sự tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và phân tầng xã hội thường diễn ra nhanh chóng. Tuy nhiên, các nghiên cứu khác ví dụ như nghiên cứu của Richard Florida, Peter Murphy, Eduardo de la Fuente và các đồng sự phát hiện ra sự sáng tạo và động cơ duy mỹ với tính cách là tinh thần mới, động lực mới của sự tăng trưởng, phát triển

xã hội đương đại (Richard Florida, 2002; Peter Murphy - Eduardo de la Fuente, 2014). Gần đây, các nhà nghiên cứu về phát triển còn đo lường và cho biết rõ công thức của sự giàu có như sau: các nguồn vốn phi vật thể bao gồm vốn con người, vốn văn hóa, vốn xã hội, vốn khoa học, công nghệ, vốn giáo dục - đào tạo, v.v... chiếm tỷ trọng ngày càng lớn (trên 77%) trong tổng của cải bình quân đầu người trên thế giới (Ngân hàng Thế giới, 2008; Ngân hàng Thế giới, 2011). Trong khi đó các loại vốn vật thể gồm vốn tài nguyên thiên nhiên và vốn sản xuất chiếm tỷ trọng ngày càng nhỏ bé (dưới 23%). Các quốc gia phát triển giàu có đều có tỷ trọng vốn phi vật thể cao hơn nhiều so với các quốc gia nghèo, chậm phát triển.

3. Vận dụng tổng tích hợp lý thuyết xem xét phân tầng xã hội ở Việt Nam

Vận dụng cách tiếp cận vốn con người, có thể thấy rõ qua báo cáo kết quả điều tra lao động việc làm (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê, 2014), những người lao động làm công ăn lương có trình độ đại học trở lên thuộc tầng lớp trên với mức tiền lương trung bình hàng tháng đạt mức cao nhất với 6,6 triệu đồng/tháng, tiếp đến là những người có trình độ cao đẳng, dạy nghề, trung cấp kỹ thuật và tầng lớp thấp nhất là những người chưa được đào tạo chuyên môn kỹ thuật, tức là những người có vốn người ít nhất với mức tiền lương trung bình đạt 3,3 triệu đồng/tháng. Về cấu trúc kinh tế, những người lao động làm công ăn lương trong khu vực nhà nước có mức tiền lương cao nhất, trên 5,1 triệu đồng/tháng, tiếp đến là những người làm việc trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài với mức tiền lương trung bình 4,8 triệu/tháng và

thấp nhất là những người làm việc trong khu vực ngoài nhà nước với mức tiền lương trung bình 3,5 triệu/tháng. Theo cách tiếp cận chức năng - ngành kinh tế, trong tổng số 20 ngành kinh tế, người lao động làm công ăn lương trong ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm đạt mức tiền lương thuộc tầng lớp cao nhất, với mức tiền lương trung bình trên 7,2 triệu đồng/tháng, tiếp đến là ngành chuyên môn, khoa học, công nghệ đạt mức trên 6,5 triệu đồng/tháng, người lao động làm thuê các công việc trong các gia đình có mức tiền lương trung bình thuộc loại thấp nhất, tầng đáy với 2,4 triệu đồng/tháng, thuộc tầng lớp cao hơn một chút là những người lao động làm công ăn lương trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản với mức tiền lương trung bình trên 2,6 triệu đồng/tháng. Theo cách tiếp cận chức năng - nghề nghiệp, những người làm nghề nghiệp “nhà lãnh đạo” đạt mức tiền lương cao nhất, trên 6,9 triệu đồng/tháng, tiếp đến là những người làm nghề đòi hỏi trình độ chuyên môn bậc cao với 6,3 triệu đồng/tháng và tầng lớp thấp nhất về tiền lương là những người làm nghề nghiệp giản đơn với 2,7 triệu đồng/tháng. Có thể nhận thấy, xu hướng biến đổi hệ thống phân tầng xã hội là mức sống chung và mức tiền lương tăng dần lên nhưng mức phân hóa giữa giai tầng chóp bu với giai tầng đáy cũng tăng, tỷ trọng tầng đáy giảm và đồng thời tỷ trọng giai tầng trung lưu tăng. Đối với các yếu tố phi vật thể, yếu tố trình độ chuyên môn kỹ thuật, yếu tố nghề nghiệp có tác động ngày càng mạnh đến phân tầng xã hội, nhưng điều này còn cần tiếp tục được nghiên cứu một cách tổng tích hợp để làm sáng tỏ các yếu tố và mối tương tác giữa các yếu tố của phân tầng xã hội, phân hóa xã hội.

Tóm lại, cần vận dụng cách tiếp cận tổng tích hợp các lý thuyết khác nhau về phân tầng xã hội, bởi vì phân tầng xã hội là một hình thức phân hóa xã hội phức tạp dựa trên nhiều chiều cạnh khác biệt hóa từ đặc điểm địa lý đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội mà mỗi một lý thuyết khoa học chỉ nhấn mạnh được một số yếu tố nhất định. Từ góc độ kinh tế học có thể sử dụng một trong những tiêu chí dễ hiểu nhất nhưng không vì thế mà dễ đo lường là mức tiền lương của người lao động để xác định hệ thống phân tầng xã hội. Các cách tiếp cận khác như tiếp cận vốn người, cách tiếp cận vị thế trong cơ cấu hệ thống sản xuất kinh doanh, cách tiếp cận chức năng nghề nghiệp và các cách tiếp cận khác giúp giải thích sự phân tầng xã hội và di động xã hội trong hệ thống phân tầng xã hội □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Daron Acemoglu và James A. Robinson (2014), *Tại sao các quốc gia thất bại?*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Gary S. Becker (2000), *Nhìn cuộc sống từ góc độ kinh tế*, trong “Các thuyết trình tại lễ trao giải thưởng Nobel về khoa học kinh tế 1991 - 1995”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Robert Chambers (1991), *Phát triển nông thôn: Hãy bắt đầu từ những người nghèo khổ*, Nxb. Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.
4. Richard Florida (2002), *The creative class*, Basic Books, New York.
5. Lê Ngọc Hùng (2011), *Lịch sử & lý thuyết xã hội học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Simon Kuznets (1980), *Tăng trưởng kinh tế hiện đại: những phát hiện và những phản ánh*, trong “Các thuyết trình tại lễ trao giải thưởng Nobel về khoa học kinh tế 1969-1980”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Sir Arthur Lewis (2000), *Giảm động lực của tăng trưởng*, trong “Các thuyết trình tại lễ trao giải thưởng Nobel về khoa học kinh tế 1969 - 1980”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Peter Murphy - Eduardo de la Fuente (2014), *Aesthetic Capitalism*, The Netherland.
9. Theodore W. Schultz (2000), *Kinh tế học về nghèo đói*, trong “Các thuyết trình tại lễ trao giải thưởng Nobel về khoa học kinh tế 1969-1980”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Amartya Sen (2002), *Phát triển là quyền tự do*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
11. Adam Smith (1997), *Của cải của các dân tộc*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
12. Max Weber (2008), *Nền đạo đức Tin lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
13. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê (2014), *Báo cáo kết quả điều tra lao động việc làm năm 2013*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
14. Ngân hàng Thế giới (2008), *Của cải của các quốc gia ở đâu? Đo lường nguồn của cải thế kỷ 21*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Ngân hàng Thế giới (2011), *Sự thay đổi trong cơ cấu của cải của các quốc gia: Đo lường phát triển bền vững trong thiên niên kỷ mới*, Washington.